

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AYUN PA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 98 /QĐ-UBND

Ayun Pa, ngày 24 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt danh mục, dự toán và kế hoạch lựa chọn thầu công trình:
Mua sắm thiết bị, dụng cụ dạy học, trang thiết bị nhà thi đấu
Trường THCS Lê Lợi thị xã Ayun Pa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKH-ĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 87/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND tỉnh Gia Lai về việc ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công của tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 168/QĐ-SGD-ĐT ngày 31/5/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Gia Lai về việc qui định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các đơn vị thuộc ngành giáo dục và đào tạo tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 349/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 của UBND thị xã Ayun Pa về việc giao dự toán thu, chi thường xuyên năm 2019 cho các đơn vị dự toán;

Xét đề nghị tại Tờ trình số 01/TTr-THCS LL ngày 02/7/2019 của trường THCS Lê Lợi thị xã Ayun Pa; Kết quả thẩm định số 83/TĐ-TCKH ngày 16/7/2019 của Phòng Tài chính - Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục, dự toán và kế hoạch lựa chọn thầu công trình: Mua sắm thiết bị, dụng cụ dạy học, trang thiết bị nhà thi đấu Trường THCS Lê Lợi thị xã Ayun Pa với các nội dung như sau:

I. THÔNG TIN CƠ BẢN:

1. Tên công trình: Mua sắm thiết bị, dụng cụ dạy học, trang thiết bị nhà thi đấu Trường THCS Lê Lợi thị xã Ayun Pa.

2. Chủ đầu tư: Trường THCS Lê Lợi thị xã Ayun Pa.

3. Địa điểm: Thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai.

4. Tổng mức đầu tư: 887.000.000 đồng (Bằng chữ: Tám trăm tám mươi bảy triệu đồng chẵn), trong đó:

- Chi phí thiết bị : 876.375.000 đồng.
- Chi phí thẩm định giá : 10.425.000 đồng.
- Chi phí khác : 200.000 đồng.

5. Nguồn vốn đầu tư: Chi thường xuyên năm 2019.

6. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2019.

7. Số lượng chủng loại và đặc điểm thiết bị: Có danh mục chi tiết kèm theo.

8. Trách nhiệm của chủ đầu tư: Có trách nhiệm quản lý và sử dụng đúng mục đích, có hiệu nguồn vốn đầu tư, chịu trách nhiệm về chất lượng của gói thầu, tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

II. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

1. Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu: 876.375.000 đồng, bao gồm nội dung các gói thầu cụ thể như sau:

TT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian lựa chọn nhà thầu	Hình thức hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Mua sắm thiết bị.	876.375.000	Chi thường xuyên năm 2019	Chào hàng cạnh tranh	1 giai đoạn, 1 túi hồ sơ	Quý III, IV năm 2019	Trọn gói	30 ngày
Tổng		876.375.000						

2. Một số nội dung khác:

Trường THCS Lê Lợi thị xã Ayun Pa chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 2. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thị xã, trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch thị xã, Hiệu trưởng trường THCS Lê Lợi thị xã Ayun Pa, Giám đốc Kho bạc Nhà nước và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT.



CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Văn Diện

**DANH MỤC, DỰ TOÁN TRANG THIẾT BỊ & ĐỒ DÙNG DẠY HỌC,
TRANG THIẾT BỊ NHÀ THI ĐẤU**

(Kèm theo Quyết định số: 98/QĐ-UBND ngày 24/7/2019 của UBND thị xã)

ĐVT: Đồng

STT	TÊN HÀNG	ĐVT	SL	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
A.	ĐỒ DÙNG HỌC TẬP, THỂ DỤC THỂ THAO				701.472.200
I	ĐỒ DÙNG HỌC TẬP				429.562.900
	LỚP 6				
	Bộ dụng cụ Môn Toán				
1	Bộ thước đo đặc TH (ghế, thước cuộn, thước thẳng, cọc tiêu)	Bộ	2	2.563.000	5.126.000
2	Bộ 50 kí tự Toán 6	Bộ	2	149.000	298.000
3	Bảng từ trắng (0,4x0,6)+chân đế	Cái	5	556.500	2.782.500
4	Compa nhôm	Cái	5	55.000	275.000
5	Thước đo độ nhựa	Cái	5	33.000	165.000
6	EKE 45 nhựa	Cái	5	40.000	200.000
7	EKE 60 nhựa	Cái	5	40.000	200.000
8	Thước nhôm 1m	Cái	4	90.600	362.400
9	Mô hình tam giác, hình tròn, các loại góc, đối đỉnh, tia PG	Bộ	2	399.600	799.200
	Môn vật Lý			-	
1	DC TN dẫn nổ dài Lý 6 GV)	Bộ	2	399.700	799.400
2	DC TN dẫn nổ khối Lý 6 GV)	Bộ	2	225.000	450.000
3	Bộ TH Vật Lý Lớp 6 (HS)	Bộ	4	2.623.500	10.494.000
4	Cân Roberval 200g & hộp quả cân (D.chung)	Bộ	4	715.500	2.862.000
	Môn sinh học			-	
1	Bộ DC thực hành Sinh 6 (GV)	Bộ	2	2.340.000	4.680.000
2	Bộ DC thực hành Sinh 6 (HS)	Bộ	4	739.000	2.956.000
3	Hộp tiêu bản thực vật (10 mẫu)	Hộp	2	265.500	531.000
4	Kính hiển vi XSP-640	Cái	4	2.933.000	11.732.000
5	Mô hình cấu tạo hoa Đào	Cái	4	300.000	1.200.000
6	MH cấu tạo thân cây 2 lá	Cái	4	826.000	3.304.000
7	MH cấu tạo lá cây	Cái	4	1.060.500	4.242.000
8	MH cấu tạo rễ cây	Cái	4	772.500	3.090.000
9	Tiêu bản nguyên phân rễ hành	Hộp	2	1.578.000	3.156.000
10	Tiêu bản động vật nguyên sinh & kí sinh trùng	Hộp	2	1.532.000	3.064.000
11	Tiêu bản giảm phân hoa hẹ	Hộp	2	1.583.000	3.166.000
12	Tiêu bản vi khuẩn và vi nấm	Hộp	2	1.486.000	2.972.000
	Môn công nghệ			-	
1	Hộp mẫu các loại vải sợi thiên nhiên, sợi hỗn hợp	Bộ	2	259.500	519.000
2	Dụng cụ cắm hoa	Bộ	2	413.800	827.600
3	Dụng cụ, vật liệu cắt, khâu, may	Bộ	2	259.500	519.000
4	Dụng cụ tỉa hoa, trang trí món ăn	Bộ	2	272.900	545.800
	Môn lịch sử			-	
1	Hộp phục chế các hiện vật cổ	Hộp	2	1.328.500	2.657.000
	Môn địa lý			-	
1	Vũ kế	Cái	4	105.000	420.000
2	Con quay gió	Cái	4	105.000	420.000
3	Nhiệt kế treo tường	Cái	4	64.500	258.000

STT	TÊN HÀNG	ĐVT	SL	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
4	Thước dây 1,5 mét	Cái	4	12.500	50.000
5	La bàn	Cái	4	28.500	114.000
6	Mô hình trái đất....., mặt trắng quay quanh... (có motor chạy bằng điện)	Cái	4	1.987.900	7.951.600
7	MH trái đất....., mặt trắng quay quanh... (quay tay sử dụng bằng pin)	Bộ	2	876.500	1.753.000
8	Hộp quặng và khoáng sản VN	Hộp	2	432.600	865.200
9	Quả địa cầu d30 tự nhiên - đế gỗ	Quả	2	381.000	762.000
	Môn thể dục			-	
1	Còi TDTT	Cái	2	10.000	20.000
2	Lưới chắn ném bóng	Cái	2	1.033.000	2.066.000
3	Đồng hồ TDTT	Cái	3	334.500	1.003.500
4	Bóng ném	Quả	30	27.800	834.000
5	Cầu đá	Quả	30	18.500	555.000
6	Đệm mút có vỏ bọc (10x200x120)cm	Cái	2	6.180.000	12.360.000
7	Dây nhảy ngắn	sợi	30	27.800	834.000
8	Dây nhảy dài	sợi	20	61.800	1.236.000
9	Thước cuộn 5 mét	Cái	3	90.600	271.800
10	Thước dây 30m	Cái	2	202.900	405.800
	LỚP 7			-	
	Môn Toán			-	
1	Bộ thước đo đặc toán học : Giác kế, cọc tiêu, thước	Bộ	1	2.562.610	2.562.610
2	Thước nhôm 1m	Cái	2	90.600	181.200
3	Thước đo góc nhựa	Cái	2	32.900	65.800
4	Compa nhôm	Cái	2	53.500	107.000
5	Que chỉ ăng ten	Cái	2	66.900	133.800
6	Ê ke 45o nhựa	Cái	2	30.900	61.800
7	Ê ke 60o nhựa	Cái	2	30.900	61.800
	Môn Vật lý			-	
1	Bộ thí nghiệm Quang lớp 7 (HS)	Bộ	5	1.096.900	5.484.500
2	Bộ thí nghiệm Âm lớp 7 (HS)	Bộ	5	1.199.900	5.999.500
4	Bộ thí nghiệm điện lớp 7 (HS)	Bộ	5	1.728.500	8.642.500
	Môn sinh học			-	
1	Bộ dụng cụ TN Sinh 7 (GV)	Bộ	2	2.482.500	4.965.000
2	Bộ dụng cụ TN Sinh 7 (HS)	Bộ	4	985.500	3.942.000
3	Bộ DC ngâm mẫu vật (16 bo can lớn+16 bo can nhỏ)	Bộ	2	6.447.800	12.895.600
4	Kính hiển vi XSP-640	Cái	2	2.933.500	5.867.000
5	MH con thỏ	Con	1	1.820.000	1.820.000
6	MH chim bồ câu	Con	1	1.467.200	1.467.200
7	MH cá chép	Con	1	1.333.800	1.333.800
9	MH con ếch	Con	1	2.137.500	2.137.500
10	MH con thằn lằn	Con	1	1.857.000	1.857.000
11	MH con châu chấu	Con	1	2.582.500	2.582.500
	Môn công nghệ			-	
1	Dụng cụ TN Công Nghệ L7 (HS+GV+HC)	Bộ	2	3.509.500	7.019.000
2	MH con gà	Con	1	971.500	971.500
3	MH con heo	Con	1	1.088.700	1.088.700
	Môn thể dục			-	
1	Đồng hồ bấm giây điện tử	Cái	2	334.500	669.000

STT	TÊN HÀNG	ĐVT	SL	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
2	Bộ cột đa năng	Bộ	1	1.820.000	1.820.000
3	Bóng ném	Quả	20	27.800	556.000
4	Đệm thể dục (30 x 180 x 200)cm	Cái	1	8.755.000	8.755.000
6	Đàn Guitar (gỗ Hồng Đào)	Cái	1	2.099.500	2.099.500
	LỚP 8			-	
	Môn Toán			-	
1	Bộ hình không gian	Bộ	1	579.500	579.500
2	Bộ triển khai các hình	Bộ	1	409.900	409.900
3	Bộ tứ giác các loại	Bộ	1	167.500	167.500
4	Bộ tứ giác động	Bộ	1	208.000	208.000
5	Thước vẽ truyền GV	Cái	3	424.500	1.273.500
6	Thước vẽ truyền HS (2cây/bộ)	Bộ	5	169.000	845.000
7	Bộ DC đo đặc K/C, chiều cao	Bộ	1	2.562.000	2.562.000
8	Thước 1m nhôm	Cái	3	90.000	270.000
9	Thước 0,5m nhôm	Cái	3	46.000	138.000
10	Máy tính Casio FX-500MS	Cái	3	527.000	1.581.000
	Môn Vật lý			-	
1	Bộ dụng cụ Lý 8 (GV)	Bộ	1	2.997.000	2.997.000
2	Bộ dụng cụ Lý 8 (HS)	Bộ	4	3.221.500	12.886.000
	Môn Hóa học			-	
1	Bộ dụng cụ Hóa 8 (GV)-không cân	Bộ	1	7.946.500	7.946.500
2	Bộ dụng cụ Hóa 8 (HS)	Bộ	4	779.000	3.116.000
3	Cân hiện số 250g (+/-0,1)	Cái	1	937.000	937.000
	Môn sinh học			-	
1	Bộ dụng cụ Sinh 8 (GV)	Bộ	1	1.115.500	1.115.500
2	Bộ dụng cụ Sinh 8 (HS)	Bộ	4	2.037.000	8.148.000
3	Hộp tiêu bản nhân thể (7 miếng/hộp)	Hộp	2	226.500	453.000
4	Kính hiển vi XSP-13A +đèn	Cái	1	4.456.500	4.456.500
5	Mô nửa cơ thể người	Bộ	1	4.791.500	4.791.500
6	Mô hình cấu tạo mắt	Cái	1	1.836.000	1.836.000
7	Mô hình cấu tạo tai người	Cái	1	1.047.000	1.047.000
8	Mô hình xương người	Bộ	1	2.875.500	2.875.500
9	Mô hình Tuỷ sống	Bộ	1	1.408.000	1.408.000
10	Mô hình cấu tạo bán cầu não	Cái	1	960.500	960.500
11	Mô hình tim người	Cái	1	1.732.500	1.732.500
	Môn công nghệ			-	
1	Bộ DC Cơ khí (GV+HS) công nghệ 8	Bộ	1	6.311.000	6.311.000
2	Bộ thiết bị điện - CN8 (thùng 2)	Bộ	5	568.000	2.840.000
3	Bộ DC sửa chữa điện CN8 (thùng 3)	Bộ	3	1.052.600	3.157.800
4	Máy biến áp 6-12V (CN8)	Cái	3	487.000	1.461.000
5	Mẫu vẽ kỹ thuật (CN8)	Bộ	1	614.000	614.000
6	Mẫu vật liệu cơ khí (CN8)	Bộ	1	250.000	250.000
7	Bộ truyền động (CN8)	Bộ	3	661.000	1.983.000
8	Mô hình máy biến áp (CN8)	Bộ	3	702.000	2.106.000
9	Mô hình động cơ điện 1 pha (CN8)	Bộ	3	650.000	1.950.000
10	MH mạng điện trong nhà -CN8	Bộ	1	1.671.600	1.671.600
11	Ampe kế xoay chiều (1-5A)	Cái	3	275.000	825.000
12	Vôn kế xoay chiều (12-36V)	Cái	3	275.000	825.000
13	Đồng hồ vạn năng DT9205	Cái	3	563.000	1.689.000

STT	TÊN HÀNG	ĐVT	SL	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
	Môn địa lý			-	
1	Hộp quặng & khoáng sản chính của Việt Nam	Hộp	1	427.500	427.500
	Môn thể dục			-	
1	Bàn đạp xuất phát	Cặp	1	579.500	579.500
2	Bóng chuyền số 5	Quả	5	330.000	1.650.000
3	Bóng đá số 5	Quả	4	496.000	1.984.000
4	Bóng ném	Quả	1	27.500	27.500
5	Ván giậm nhảy xa	Cái	1	906.500	906.500
6	Xà nhảy cao	Cái	1	406.500	406.500
7	Đồng hồ bấm giây	Cái	1	334.500	334.500
8	Đệm nhảy cao (30x180x200)cm	Cái	1	8.755.000	8.755.000
	LỚP 9			-	
	Môn Toán			-	
1	Bộ MH về thể tích hình nón	Bộ	2	203.500	407.000
2	Bộ thước thực hành đo khoảng cách, đo chiều	Bộ	2	2.562.500	5.125.000
3	Máy tính Casio FX-500MS	Cái	4	527.500	2.110.000
	Môn Vật lý			-	
1	Danh mục Lý 9 (điện)	Bộ	4	1.331.500	5.326.000
2	Danh mục Lý 9 (quang A)	Bộ	4	1.724.500	6.898.000
3	Danh mục Lý 9 (quang B)	Bộ	4	3.041.500	12.166.000
4	Danh mục Lý 9 (điện từ)	Bộ	4	1.496.000	5.984.000
5	Danh mục Lý 9 (đóng lẻ)	Bộ	4	5.242.500	20.970.000
6	Danh mục Lý 9 (GV)	Bộ	1	3.529.500	3.529.500
	Môn Hóa học			-	
1	Bộ DC THPTN Hóa 9 (GV+HS) - không cân	Bộ	1	17.173.000	17.173.000
2	Cân hiện số 250g (+/-0,1)	Cái	1	937.000	937.000
	Mô hình bao gồm:			-	
1	Mô hình phân tử dạng đặc	Bộ	1	300.000	300.000
2	Mô hình phân tử dạng rỗng	Bộ	3	192.000	576.000
3	Hộp mẫu các loại sản phẩm cao su	Hộp	1	259.000	259.000
4	Hộp mẫu phân bón hoá học	Hộp	1	391.000	391.000
5	Hộp mẫu các sản phẩm chế biến từ dầu mỏ	Hộp	1	383.000	383.000
6	Hộp mẫu chất dẻo	Hộp	1	312.000	312.000
	Môn sinh học			-	
1	Đồng kim loại tính xác suất (hộp/20cái)	Hộp	1	329.500	329.500
2	MH cấu trúc không gian AD N (L9)	Bộ	1	321.000	321.000
3	MH tổng hợp Protein	Bộ	1	2.525.000	2.525.000
4	MH nhân đôi ADN	Bộ	1	837.000	837.000
5	MH Tổng hợp ARN	Bộ	1	1.552.000	1.552.000
6	MH phân tử ARN	Bộ	1	445.990	445.990
	Môn Công Nghệ			-	
	Phân môn cắt may			-	
1	Bộ mẫu vật (vải, phụ liệu may, cổ áo)	Bộ	2	1.838.000	3.676.000
2	Dụng cụ đo, vẽ, cắt, là	Bộ	4	334.000	1.336.000
3	Bàn là và cầu là	Bộ	1	893.000	893.000
	Phân môn điện nhà			-	
1	Bảng điện thực hành (thùng 1)	Bộ	1	347.000	347.000
2	Mạch điện chiếu sáng (thùng 2)	Bộ	1	661.000	661.000
3	MĐ 2 công tắc, 2 cực (thùng 3)	Bộ	1	661.000	661.000

STT	TÊN HÀNG	ĐVT	SL	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
4	MĐ đèn huỳnh quang (thùng 4)	Bộ	1	726.000	726.000
5	MĐ 1 công tắc, 3 cực (thùng 5)	Bộ	1	661.000	661.000
6	DC sửa điện-VLTH (thùng 6)	Bộ	1	4.499.000	4.499.000
7	Thiết bị điện-VLTH (thùng 7)	Bộ	1	2.166.000	2.166.000
8	Bảng điện+bảng gỗ lắp MD (thùng 8)	Bộ	1	1.110.000	1.110.000
9	Đồng hồ vạn năng DT9205	Cái	4	563.000	2.252.000
10	Amper kế xoay chiều (10A)	Cái	4	275.000	1.100.000
11	Vôn kế xoay chiều (300V)	Cái	4	275.000	1.100.000
12	Công tơ điện	Cái	4	451.000	1.804.000
	Môn Thể dục			-	
1	Đồng hồ bấm giây	Cái	3	334.000	1.002.000
2	Bóng ném	Quả	20	27.800	556.000
3	Xà nhảy cao	Cái	1	419.000	419.000
	Thiết bị Dùng chung			-	
1	Giá để thiết bị (1,82x0,4x1,77)	Cái	2	6.250.000	12.500.000
2	Bộ tranh Vật Lý lớp 6 -tranh nhựa (28 tranh)	Bộ	1	776.500	776.500
3	Bộ tranh Sinh học 6 -tranh nhựa (28 tranh)	Bộ	1	746.500	746.500
4	Tranh nhựa Tiếng Anh Lớp 6 - (90 tranh)	Bộ	1	638.500	638.500
5	Bộ tranh Vật Lý lớp 7- tranh nhựa (26 tranh)	Bộ	1	692.500	692.500
6	Bộ tranh Sinh học 7 -tranh nhựa (43 tranh)	Bộ	1	1.152.000	1.152.000
7	Bộ tranh Vật Lý 8 (28tr) - tranh nhựa	Bộ	1	575.000	575.000
8	Bộ tranh Sinh 8- tranh nhựa (29 tranh)	Bộ	1	793.500	793.500
9	Bộ tranh Vật Lý 9 - tranh nhựa (38 tranh)	Bộ	1	1.065.500	1.065.500
II	HÓA CHẤT				13.201.000
	Hóa chất môn Hóa học (6,7,8,9)				
1	Lưu huỳnh bột (S)-500gr	Chai	1	303.800	303.800
2	Đồng bột (Cu)-250gr	Chai	1	317.500	317.500
3	Đồng dây (phoi bào)-100gr	Chai	1	125.000	125.000
4	Nhôm bột (Al)-100gr	Chai	1	494.500	494.500
5	Nhôm lá (Al)-100gr	Chai	1	131.500	131.500
6	Magie dây (Mg)-50gr	Chai	1	554.500	554.500
7	Sắt bột (Fe)-500gr	Chai	1	417.000	417.000
8	Kẽm viên (Zn)-500gr	Chai	1	535.500	535.500
9	Canxi oxit (CaO)-500gr	Chai	1	226.500	226.500
10	Đồng (II) oxit (CuO)-500g	Chai	1	975.500	975.500
11	Mangan đioxit (MnO2)-250gr	Chai	1	669.500	669.500
12	Natri hydroxit (NaOH)-500gr	Chai	1	125.600	125.600
13	Đồng (II) sunfat (CuSO4)-500gr	Chai	1	283.000	283.000
14	Đồng (II) clorua (CuCl2)-500gr	Chai	1	573.500	573.500
15	Kali permanganat (KMnO4)-500gr	Chai	1	479.000	479.000
16	Canxi cacbonat (CaCO3)-500gr	Chai	1	256.500	256.500
17	Kali cacbonat (K2CO3)-500gr	Chai	1	283.500	283.500
18	Natri hidrocacbonat (NaHCO3)-500gr	Chai	1	125.600	125.600
19	Natri cacbonat (Na2CO3)-500gr	Chai	1	168.000	168.000
20	Natri clorua (NaCl)-500gr	Chai	1	115.000	115.000
21	Bari clorua (BaCl2)-500 gr	Chai	1	152.500	152.500
22	Sắt (III) clorua (FeCl3)-500gr	Chai	1	233.500	233.500
23	Canxi clorua (CaCl2)-500gr	Chai	1	206.000	206.000

STT	TÊN HÀNG	ĐVT	SL	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
24	Bạc nitrat (AgNO ₃)-20gr	Chai	1	2.192.000	2.192.000
25	Natri sunfat (Na ₂ SO ₄)-500gr	Chai	1	134.000	134.000
26	Canxi cacbua (CaC ₂)-500gr	Chai	1	893.000	893.000
27	Glucoso (C ₆ H ₁₂ O ₆)-500gr	Chai	1	168.000	168.000
28	Parafin rắn- 250gr	Chai	1	74.000	74.000
29	Giấy phenolphthalein	Hộp	1	79.000	79.000
30	Giấy quỳ tím	Hộp	1	95.500	95.500
31	Giấy pH	Tập	1	17.500	17.500
32	Nước cất (1 lít)	Chai	1	31.900	31.900
33	Ethanol- Rượu Etylic 96 (C ₂ H ₅ OH)-500ml	Chai	1	162.700	162.700
34	Axit axetic (CH ₃ COOH)-500ml (TQ)	Chai	1	142.000	142.000
35	DD NH ₃ đặc (NH ₄ OH)-500ml (TQ)	Chai	1	95.800	95.800
36	Axit clohydric (HCl)-500ml (TQ)	Chai	1	105.000	105.000
37	Axit sunfuric (H ₂ SO ₄)-500ml (TQ)	Chai	1	115.800	115.800
38	Cồn đốt 90 độ (1 lít)	Chai	1	95.000	95.000
	Hóa chất môn Sinh (6,7,8,9)			-	
1	Carmin (0,5ml)	Ống	2	18.500	37.000
2	Xanh Methylen (25gr)	Chai	1	197.500	197.500
3	Parafin lỏng - 500ml	Chai	1	216.500	216.500
4	Ether 1lít	Chai	1	280.500	280.500
5	Formol (andehit formic) 500ml	Chai	1	95.800	95.800
6	Cồn đốt 90 độ (1 lít)	Chai	1	95.000	95.000
7	Tanin (1g)	Chai	5	25.000	125.000
III	Thiết bị phòng thư viện			-	91.657.000
	Ảnh Bức + Khẩu hiệu trang trí thư viện			-	
1	Ảnh Bức có khung	Cái	1	133.500	133.500
2	Nội quy thư viện	Cái	1	154.500	154.500
3	Hướng dẫn sử dụng mục lục	Cái	1	154.500	154.500
4	Khẩu hiệu " Tất cả những gì"	Cái	1	154.500	154.500
5	Khẩu hiệu " Siêng xem sách"	Cái	1	154.500	154.500
	Hồ sơ nghiệp vụ			-	
1	Sổ đăng ký tổng quát	Bản	1	5.600	5.600
2	Sổ đăng ký cá biệt	Bản	6	33.500	201.000
3	Sổ đăng ký sách giáo khoa	Bản	2	37.500	75.000
4	Sổ theo dõi cho mượn sách của Giáo viên	Bản	2	20.600	41.200
5	Sổ theo dõi cho mượn sách của Học sinh	Bản	2	20.600	41.200
6	Sổ thống kê bạn đọc	Bản	1	4.000	4.000
7	Phích mô tả	Tờ	3.000	400	1.200.000
	Thiết bị			-	
1	Bàn đọc thư viện Hòa Phát - Bàn đọc thư viện 6 khoang có vách ngăn gỗ giữa các khoang, gỗ melamine vàng, mặt dày 18mm, còn lại dày 15mm. Chân sắt sơn tĩnh điện. - Kích thước: Rộng 2400 – sâu 1200 – cao 1200	Cái	2	4.856.500	9.713.000
2	Ghế gấp xếp phòng đọc Hòa Phát - Ghế gấp G04S khung ống thép sơn tĩnh điện màu ghi, Ø22, đệm tựa mút bọc PVC, tựa lưng hai cốt. - Kích thước: Rộng 460 – Sâu 515 – Cao 890mm	Cái	20	460.000	9.200.000

STT	TÊN HÀNG	ĐVT	SL	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
3	Tủ trưng bày sách (có kính) Hòa Phát - Tủ trưng bày 1 khoang, có 2 cánh gỗ dưới bên trong có 1 đợt và 2 cánh kính trên bên trong có 2 đợt di động. Tủ sử dụng chất liệu gỗ công nghiệp với các màu vàng xanh, ghi xanh, ghi chì. - Kích thước: Rộng 804 – sâu 400 – cao 1960 mm	Cái	2	2.890.000	5.780.000
4	Bảng giới thiệu sách mới Kích thước : 1,2 x 2,4m mặt bảng chống lóa, khung nhôm, có chân di chuyển.	Cái	1	2.678.000	2.678.000
5	Giá để sách - Giá sách sắt gồm 2 khoang sử dụng 2 mặt, có 5 tầng (Kể cả đợt đáy), có ốp hồi kín, đợt di động, có thanh chắn giữa điều chỉnh được độ cao. Thanh chắn sách bên cạnh được hàn trực tiếp vào trụ. Mỗi đợt chịu tải được 40kg. - Kích thước: Rộng 1985 – sâu 450 – cao 2000 mm	Cái	5	6.437.500	32.187.500
6	Tủ mục lục thư viện - Kích thước: (850 x 400 x 1500)mm - Tủ làm bằng gỗ Công nghiệp MDF dày 15 mm, mặt sau làm bằng ván dày 6 mm - Có 16 ngăn hộc kéo để chứa thẻ mục lục sách . - Toàn bộ phần ván được sơn lót chống thấm , chống mốc. - Sau khi phun lót xong mặt ngoài của ván được phun thêm một lớp sơn màu Oseven.	Cái	1	3.347.500	3.347.500
7	Kệ trưng bày báo ,tạp chí - Kệ gỗ chia thành 4 khoang bằng 3 đợt, sử dụng lưu trữ và lấy sách cả hai mặt - Kích thước: Rộng 645 – sâu 280 – cao 1230 mm	Cái	1	1.442.000	1.442.000
8	Máy vi tính để bàn dành cho thủ thư : - Main Board: ASRock H310 - CPU: Intel® Core:tm: i3-8100 Processor (6M Cache, 3.60 GHz) - RAM: DDR4 4GB Bus 2400MHz - HDD: PC 500GB 7200Rpm - ODD : DVDROM - Keyboard & Mouse: USB - Case: JETEK - Nguồn : JETEK - Màn hình : 18.5 LED	Bộ	1	12.980.000	12.980.000

STT	TÊN HÀNG	ĐVT	SL	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
9	Máy in cho thủ thư Tốc độ in đơn sắc (A4 / Letter) : 12 trang/phút Bộ nhớ (Tiêu chuẩn) : 2MB Ngôn ngữ in : CAPT (Công nghệ in cải tiến của Canon) Công suất vận hành : 200 - 800 trang / tháng Chất lượng bản in (Độ phân giải) : 600 x 600 dpi Khổ Giấy : A4, B5, A5, LGL, LTR, Executive, Giấy in bì thư C5/COM10/DL, Monarch Khay giấy : 150 tờ Kết nối : USB 2.0 tốc độ cao Kích thước : 370 x 251 x 217mm Trọng lượng : 5,7kg	Cái	1	4.274.500	4.274.500
10	Bàn ghế vi tính(dùng cho thủ thư) - Bàn máy tính : bàn máy tính có 1 kệ để CPU và bàn phím. Bàn có hộc liền để file hoặc đồ cá nhân. Bàn mặt gỗ công nghiệp phủ Melamine màu ghi sáng, dày 25mm, có nẹp bo. Chân bàn và yếm PVC màu xám chì, dày 18mm. Kích thước : Rộng 1194 – sâu 600 – cao 750 mm - Ghế xoay : Ghế xoay, tay nhựa, cần hơi điều chỉnh độ cao thấp, đệm tựa mút bọc nỉ, chân nhựa có bánh xe để di chuyển Kích thước: Rộng 550 – sâu 530 – cao 870 ÷ 990 mm.	Bộ	1	2.585.000	2.585.000
11	Phần mềm thư viện	Bộ	1	5.150.000	5.150.000
IV Thiết bị dùng chung				-	95.051.300
1	Tủ hồ sơ TU09K3	Cái	1	4.862.000	4.862.000
2	Bộ trống đội Inox lớn	Bộ	1	3.872.000	3.872.000
3	Smart Tivi Samsung 4K 50 inch 50RU7100 - Loại Tivi : Smart Tivi - Kích cỡ màn hình : 50 inch - Độ phân giải : 4K Ultra HD (3840 x 2160px) - Tần số quét thực: 100 Hz - Kết nối : Cổng LAN, Wifi, HDMI x 3, USB x 2, Cổng Component, Cổng Composite, Cổng Optical (Digital Audio Out) - Tích hợp đầu thu kỹ thuật số: DVB-T2 - Hệ điều hành, giao diện: Tizen OS - Các ứng dụng sẵn có: Youtube, Netflix, Trình duyệt web, Kho ứng dụng - Điều khiển tivi bằng điện thoại: Bằng ứng dụng SmartThings - Kết nối không dây với điện thoại, máy tính bảng: Chiếu màn hình Screen Mirroring - Công nghệ xử lý hình ảnh : Micro Dimming Pro, 4K HDR (High Dynamic Range), Auto Motion Plus - Công nghệ âm thanh : Dolby Digital Plus, DTS Codec - Công suất loa : 20 W (2 loa mỗi loa 10 W)	Cái	4	16.004.000	64.016.000
4	Bục thuyết trình LT04	Cái	1	2.916.300	2.916.300

STT	TÊN HÀNG	ĐVT	SL	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
5	Bục tượng Bác LTS04	Cái	1	3.487.000	3.487.000
6	Tủ y tế học đường TYT02	Cái	1	4.816.000	4.816.000
7	Giường y tế học đường GYT01-I (có nệm) -hiệu: Hòa Phát	Cái	2	5.541.000	11.082.000
V	Thiết bị thể dục (dành cho Nhà đa năng)			-	72.000.000
1	Bóng chuyền Bóng chuyền số 5 da PVC	Cái	7	330.000	2.310.000
2	Lưới bóng chuyền Chất liệu sợi dù màu nâu hoặc đen.	Cái	2	310.000	620.000
3	Bộ cột bóng chuyền Trụ bóng chuyền nhôm tròn Ø90, sơn tĩnh điện trắng, điều chỉnh chiều cao lưới bằng ray và thanh trượt, căng lưới bằng ròng rọc, không kèm nòng	Bộ	1	12.391.000	12.391.000
4	Nòng trụ bóng chuyền Dùng trong trường hợp lỗ chôn cột bóng chuyền chưa có nòng Bộ 2 nòng nhôm dùng cho trụ Ø90mm với nắp đậy khớp với miệng nòng và mặt sàn	Bộ	1	2.258.000	2.258.000
5	Bộ cột cầu lông Trụ cầu lông di động, đôi trọng 30kg, có bánh xe di chuyển	Bộ	1	8.285.000	8.285.000
6	Vợt cầu lông Vợt cán liền, khung vợt chắc chắn	Bộ	10	309.000	3.090.000
7	Lưới cầu lông Chất liệu sợi dù màu nâu hoặc màu trắng.	Cái	2	144.000	288.000
8	Vợt bóng bàn Cán vợt được làm bằng gỗ, tay nắm vừa phải – chắc chắn; phần cốt gắn liền với lớp cao su mang đến sự ổn định	Bộ	8	457.000	3.656.000
9	Bàn bóng bàn Gỗ MDF mặt bàn dày 25 ly, có bánh xe. Chân khung hộp 40 x 40, sơn tĩnh điện Kèm theo cọc lưới -hiệu: Động Lực	Bộ	1	12.000.000	12.000.000
10	Bộ khung thành bóng đá Futsal Khung thành Futsal tập luyện đặt nổi, Khung chính hộp kẽm 80x40mm, sơn tĩnh điện trắng Không kèm lưới hiệu: Động lực	Bộ	1	18.819.000	18.819.000
11	Bộ 4 chân nổi chôn nòng Dùng cho khung thành đặt nổi	Bộ	1	5.335.000	5.335.000
12	Bóng fusan Ký hiệu Fus 2.76 Tiêu chuẩn thi đấu	Quả	2	496.000	992.000
13	Lưới bóng đá Fussal Lưới tập sợi TW2.0mm, ô đơn 120, 3.12x2.04x0.84x1.08	Bộ	2	978.000	1.956.000

STT	TÊN HÀNG	ĐVT	SL	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
B	SÁCH GIÁO KHOA, SÁCH THAM KHẢO				174.903.100
	SÁCH GIÁO KHOA (THCS)				106.922.600
	LỚP 7				-
1	Toán 7/1	Bản	54	9.000	486.000
2	Toán 7/2	Bản	54	5.000	270.000
3	Vật lý 7	Bản	54	6.000	324.000
4	Công nghệ 7 (Nông nghiệp)	Bản	54	13.000	702.000
5	Ngữ văn 7/1	Bản	54	12.000	648.000
6	Ngữ văn 7/2	Bản	54	10.000	540.000
7	Lịch sử 7	Bản	54	12.000	648.000
8	Địa lý 7	Bản	54	16.000	864.000
9	Giáo dục Công dân 7	Bản	54	4.000	216.000
10	Âm nhạc & Mỹ thuật 7	Bản	54	14.000	756.000
11	Sinh học 7	Bản	54	17.000	918.000
12	Tiếng anh 7	Bản	54	16.000	864.000
13	Bài tập Toán 7/1	Bản	54	14.900	804.600
14	Bài tập Toán 7/2	Bản	54	9.000	486.000
15	Bài tập Vật lý 7	Bản	54	7.600	410.400
16	Bài tập Sinh học 7	Bản	54	10.700	577.800
17	Bài tập Ngữ văn 7/1	Bản	54	11.900	642.600
18	Bài tập Ngữ văn 7/2	Bản	54	9.600	518.400
19	Bài tập Lịch sử 7	Bản	54	11.600	626.400
20	Bài tập Địa lý 7	Bản	54	11.600	626.400
21	Bài tập Tiếng anh 7	Bản	54	12.400	669.600
22	Bài tập Âm nhạc 7	Bản	54	6.800	367.200
23	Bài tập Mỹ thuật 7	Bản	54	7.600	410.400
24	Bài tập Giáo dục Công dân 7	Bản	54	10.000	540.000
25	Tin học dành cho THCS Q2	Bản	54	24.000	1.296.000
26	Bài tập Tin học dành cho THCS Q2	Bản	54	21.000	1.134.000
27	Tiếng Anh 7/1 (Kèm Iseebook) (Không đĩa CD)	Bản	54	33.000	1.782.000
28	Tiếng Anh 7/1 (Kèm Iseebook) (Kèm đĩa CD)	Bản	54	43.000	2.322.000
29	Tiếng Anh 7/2 (Kèm Iseebook) (Không đĩa CD)	Bản	54	33.000	1.782.000
30	Tiếng Anh 7/2 (Kèm Iseebook) (Kèm đĩa CD)	Bản	54	43.000	2.322.000
31	Bài tập Tiếng Anh 7/1	Bản	54	31.000	1.674.000
32	Bài tập Tiếng Anh 7/2	Bản	54	31.000	1.674.000
33	Thực hành Âm nhạc 7/1	Bản	54	15.000	810.000
34	Thực hành Âm nhạc 7/2	Bản	54	15.000	810.000
35	Thực hành Mỹ thuật 7/1	Bản	54	15.000	810.000
36	Thực hành Mỹ thuật 7/2	Bản	54	15.000	810.000
	LỚP 8				-
1	Toán 8/1	Bản	54	8.000	432.000
2	Toán 8/2	Bản	54	8.000	432.000
3	Vật lý 8	Bản	54	8.000	432.000
4	Hóa học 8	Bản	54	12.000	648.000
5	Sinh học 8	Bản	54	18.000	972.000
6	Công nghệ 8 (Công nghiệp)	Bản	54	17.000	918.000
7	Ngữ văn 8/1	Bản	54	10.000	540.000
8	Ngữ văn 8/2	Bản	54	10.000	540.000
9	Lịch sử 8	Bản	54	12.000	648.000

STT	TÊN HÀNG	ĐVT	SL	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
10	Địa lý 8	Bản	54	13.000	702.000
11	Giáo dục Công dân 8	Bản	54	4.000	216.000
12	Âm nhạc & Mỹ thuật 8	Bản	54	15.000	810.000
13	Tiếng anh 8	Bản	54	14.000	756.000
14	Bài tập Toán 8/1	Bản	54	15.500	837.000
15	Bài tập Toán 8/2	Bản	54	14.900	804.600
16	Bài tập Vật lý 8	Bản	54	8.200	442.800
17	Bài tập Hóa học 8	Bản	54	13.300	718.200
18	Bài tập Sinh học 8	Bản	54	12.400	669.600
19	Bài tập Ngữ văn 8/1	Bản	54	11.000	594.000
20	Bài tập Ngữ văn 8/2	Bản	54	10.700	577.800
21	Bài tập Lịch sử 8	Bản	54	11.900	642.600
22	Bài tập Địa lý 8	Bản	54	11.300	610.200
23	Bài tập Tiếng anh 8	Bản	54	11.600	626.400
24	Bài tập Âm nhạc 8	Bản	54	6.800	367.200
25	Bài tập Mỹ thuật 8	Bản	54	7.600	410.400
26	Bài tập Giáo dục Công dân 8	Bản	54	12.000	648.000
27	Tin học dành cho THCS Q3	Bản	54	21.000	1.134.000
28	Bài tập Tin học dành cho THCS Q3	Bản	54	23.000	1.242.000
29	Tiếng Anh 8/1 (Kèm Iseebook) (Không đĩa CD)	Bản	54	35.000	1.890.000
30	Tiếng Anh 8/1 (Kèm Iseebook) (Kèm đĩa CD)	Bản	54	45.000	2.430.000
31	Tiếng Anh 8/2 (Kèm Iseebook) (Không đĩa CD)	Bản	54	35.000	1.890.000
32	Tiếng Anh 8/2 (Kèm Iseebook) (Kèm đĩa CD)	Bản	54	45.000	2.430.000
33	Bài tập Tiếng Anh 8/1	Bản	54	33.000	1.782.000
34	Bài tập Tiếng Anh 8/2	Bản	54	33.000	1.782.000
35	Thực hành Âm nhạc 8/1	Bản	54	15.000	810.000
36	Thực hành Âm nhạc 8/2	Bản	54	15.000	810.000
37	Thực hành Mỹ thuật 8/1	Bản	54	15.000	810.000
38	Thực hành Mỹ thuật 8/2	Bản	54	15.000	810.000
39	Tự luyện violympic Toán 8/1	Bản	54	20.000	1.080.000
40	Tự luyện violympic Toán 8/2	Bản	54	20.000	1.080.000
41	Tự luyện olympic Tiếng anh 8/1	Bản	54	18.000	972.000
42	Tự luyện olympic Tiếng anh 8/2	Bản	54	18.000	972.000
LỚP 9					-
1	Toán 9/1	Bản	55	8.000	440.000
2	Toán 9/2	Bản	54	8.000	432.000
3	Vật lý 9	Bản	54	12.000	648.000
4	Hóa học 9	Bản	54	14.000	756.000
5	Sinh học 9	Bản	54	17.000	918.000
6	Ngữ văn 9/1	Bản	54	14.000	756.000
7	Ngữ văn 9/2	Bản	54	12.000	648.000
8	Lịch sử 9	Bản	54	14.000	756.000
9	Địa lý 9	Bản	54	13.000	702.000
10	Giáo dục Công dân 9	Bản	54	4.000	216.000
11	Âm nhạc & Mỹ thuật 9	Bản	54	11.000	594.000
12	Tiếng anh 9	Bản	54	9.000	486.000
13	Công nghệ 9 - Nấu ăn	Bản	54	7.000	378.000
14	Công nghệ 9 - Lắp đặt điện	Bản	54	5.000	270.000
15	Bài tập Toán 9/1	Bản	54	16.600	896.400

STT	TÊN HÀNG	ĐVT	SL	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
16	Bài tập Toán 9/2	Bản	54	16.100	869.400
17	Bài tập Vật lý 9	Bản	54	10.700	577.800
18	Bài tập Hóa học 9	Bản	54	13.000	702.000
19	Bài tập Sinh học 9	Bản	54	11.600	626.400
20	Bài tập Ngữ văn 9/1	Bản	54	11.300	610.200
21	Bài tập Ngữ văn 9/2	Bản	54	10.200	550.800
22	Bài tập Lịch sử 9	Bản	54	12.400	669.600
23	Bài tập Địa lý 9	Bản	54	10.500	567.000
24	Bài tập Tiếng anh 9	Bản	54	11.300	610.200
25	Bài tập Âm nhạc 9	Bản	54	5.100	275.400
26	Bài tập Mỹ thuật 9	Bản	54	5.200	280.800
27	Bài tập Giáo dục Công dân 9	Bản	54	12.000	648.000
28	Tin học dành cho THCS Q4	Bản	54	28.000	1.512.000
29	Bài tập Tin học dành cho THCS Q4	Bản	54	21.000	1.134.000
30	Tiếng Anh 9/1 (Kèm Iseebook) (Không đĩa CD)	Bản	54	37.000	1.998.000
31	Tiếng Anh 9/1 (Kèm Iseebook) (Kèm đĩa CD)	Bản	54	47.000	2.538.000
32	Tiếng Anh 9/2 (Kèm Iseebook) (Không đĩa CD)	Bản	54	42.000	2.268.000
33	Tiếng Anh 9/2 (Kèm Iseebook) (Kèm đĩa CD)	Bản	54	52.000	2.808.000
34	Bài tập Tiếng Anh 9/1	Bản	54	37.000	1.998.000
35	Bài tập Tiếng Anh 9/2	Bản	54	37.000	1.998.000
36	Thực hành Âm nhạc 9	Bản	54	15.000	810.000
37	Thực hành Mỹ thuật 9	Bản	54	15.000	810.000
38	Tự luyện violympic Toán 9/1	Bản	54	20.000	1.080.000
39	Tự luyện violympic Toán 9/2	Bản	54	20.000	1.080.000
40	Tự luyện olympic Tiếng anh 9/1	Bản	54	18.000	972.000
41	Tự luyện olympic Tiếng anh 9/2	Bản	54	18.000	972.000
	SÁCH THAM KHẢO				67.980.500
	LỚP 7				
1	Phương pháp giải các dạng Toán 7/1	Bản	6	39.000	234.000
2	Phương pháp giải các dạng Toán 7/2	Bản	6	39.000	234.000
3	Bồi dưỡng Toán 7/1	Bản	6	48.000	288.000
4	Bồi dưỡng Toán 7/2	Bản	6	38.000	228.000
5	Giai sach bai tap toan 7/1	Bản	6	39.000	234.000
6	Giải bài tập Toán 7/2	Bản	6	38.000	228.000
7	400 bài toán cơ bản & mở rộng 7	Bản	6	42.000	252.000
8	Đề kiểm tra Toán 7 /1(15 phút, 1 tiết, học kì)	Bản	6	44.000	264.000
9	Đề kiểm tra Toán 7 /2(15 phút, 1 tiết, học kì)	Bản	6	34.000	204.000
10	Phân loại & giải chi tiết các dạng bài tập Toán 7 tập 1	Bản	6	78.000	468.000
11	Phân loại & giải chi tiết các dạng bài tập Toán 7 tập 2	Bản	6	52.000	312.000
12	Toán nâng cao Hình học 7	Bản	6	44.000	264.000
13	Toán nâng cao Đại số 7	Bản	6	44.000	264.000
14	Toán nâng cao tự luận & Trắc nghiệm Hình Học	Bản	6	48.000	288.000
15	Toán nâng cao tự luận & Trắc nghiệm Đại số	Bản	6	48.000	288.000
16	Toán cơ bản & nâng cao 7/1	Bản	6	50.000	300.000
17	Toán cơ bản & nâng cao 7/2	Bản	6	40.000	240.000
18	TỔNG HỢP các bài toán phổ dụng Đại số 7	Bản	6	40.000	240.000
19	500 Bài Toán chọn lọc 7	Bản	6	55.000	330.000
20	Bài tập Vật Lí nâng cao 7	Bản	6	40.000	240.000
21	Đề kiểm tra Vật lý 7(15 phút, 1 tiết, học kì)	Bản	6	39.000	234.000

STT	TÊN HÀNG	ĐVT	SL	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
22	Bồi dưỡng Ngữ Văn 7	Bản	6	72.000	432.000
23	Sổ tay Ngữ Văn 7	Bản	6	30.000	180.000
24	101 bài Văn hay 7	Bản	6	52.000	312.000
25	Đề kiểm tra Ngữ văn 7(15 phút, 1 tiết, học kì)	Bản	6	35.000	210.000
26	Học tốt ngữ văn 7 (toàn tập)	Bản	6	50.000	300.000
27	Hướng dẫn học & làm bài làm văn ngữ văn 7/1	Bản	6	54.000	324.000
28	207 đề & bài văn 7	Bản	6	58.000	348.000
29	162 Đề và bài làm văn chọn lọc lớp 7	Bản	6	45.000	270.000
30	155 Bài làm Văn chọn lọc 7	Bản	6	62.000	372.000
31	Những bài văn đạt điểm cao 7(học sinh giỏi)	Bản	6	43.000	258.000
32	Những bài làm văn mẫu 7 – tập 2	Bản	6	35.000	210.000
33	Những bài làm văn tiêu biểu 7	Bản	6	33.000	198.000
34	199 đề bài văn hay 7	Bản	6	75.000	450.000
35	Những bài văn theo chuẩn kiến thức kỹ năng ngữ văn 7	Bản	6	60.000	360.000
36	39 Bộ đề ngữ văn 7	Bản	6	48.000	288.000
37	270 Đề & bài văn hay 7	Bản	6	85.000	510.000
38	Những bài văn biểu cảm 7	Bản	6	55.000	330.000
39	Dàn bài tập làm văn 7	Bản	6	42.000	252.000
40	Học tốt Tiếng Anh 7	Bản	6	40.000	240.000
41	Bài tập tiếng Anh 7 (có đáp án)	Bản	6	40.000	240.000
42	Ngữ pháp & bài tập nâng cao Tiếng Anh 7	Bản	6	38.000	228.000
43	Bài tập Tiếng Anh 7 (không đáp án)	Bản	6	48.000	288.000
44	Bài tập Tiếng Anh 7 (không đáp án) PEARSON	Bản	6	64.000	384.000
45	Học tốt Tiếng Anh 7 chương trình thí điểm	Bản	6	78.000	468.000
46	670 câu trắc nghiệm Tiếng Anh 7	Bản	6	44.000	264.000
47	720 Câu trắc nghiệm anh 7	Bản	6	33.000	198.000
48	Bài giảng và lời giải chi tiết tiếng anh 7	Bản	6	60.000	360.000
49	Bài tập thực hành Tiếng Anh 7	Bản	6	42.000	252.000
50	Đề kiểm tra Tiếng Anh 7 (theo chương trình thí điểm)	Bản	6	55.000	330.000
51	Sổ tay Sinh học 7	Bản	6	22.000	132.000
52	Giải bài tập Sinh học 7	Bản	6	30.000	180.000
53	Hướng dẫn trả lời câu hỏi & bài tập Địa lí 7	Bản	6	45.000	270.000
54	Học tốt Địa lí 7	Bản	6	45.000	270.000
55	Học tốt lịch sử 7	Bản	6	49.000	294.000
56	Hướng dẫn trả lời câu hỏi và bài tập Lịch sử 7	Bản	6	39.000	234.000
57	Hướng dẫn trả lời câu hỏi và bài tập GD Công dân 7	Bản	6	35.000	210.000
58	Đề kiểm tra Giáo Dục Công dân 7,(15 phút, 1 tiết, học kì)	Bản	6	30.000	180.000
	LỚP 8				
1	Phương pháp giải các dạng Toán 8/1	Bản	6	48.000	288.000
2	Phương pháp giải các dạng Toán 8/2	Bản	6	48.000	288.000
3	Bồi dưỡng Toán 8/1	Bản	6	48.000	288.000
4	Bồi dưỡng Toán 8/2	Bản	6	39.000	234.000
5	Toán nâng cao tự luận và Trắc nghiệm Hình Học 8	Bản	6	75.000	450.000
6	Toán nâng cao tự luận & Trắc nghiệm Đại số 8	Bản	6	75.000	450.000
7	Giải sách bài tập toán 8/1	Bản	6	44.000	264.000
8	Giải sách bài tập toán 8/2	Bản	6	44.000	264.000
9	Sổ tay kiến thức Toán 8	Bản	6	18.000	108.000
10	400 bài toán cơ bản & mở rộng 8	Bản	6	48.000	288.000
11	Phương pháp giải Bài Tập Toán 8 THCS	Bản	6	68.000	408.000

STT	TÊN HÀNG	ĐVT	SL	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
12	Đề kiểm tra Toán 8 / 1 (15 phút, 1 tiết, học kỳ)	Bản	6	45.000	270.000
13	Đề kiểm tra Toán 8 / 2 (15 phút, 1 tiết, học kỳ)	Bản	6	45.000	270.000
14	Toán nâng cao Hình học 8	Bản	6	59.000	354.000
15	Đề học tốt Toán 8/1	Bản	6	45.000	270.000
16	Bài giảng và lời giải chi tiết toán 8/2	Bản	6	65.000	390.000
17	500 bài Toán chọn lọc 8	Bản	6	58.000	348.000
18	Toán thông minh phát triển 8	Bản	6	42.000	252.000
19	Toán cơ bản & nâng cao 8/2	Bản	6	55.000	330.000
20	TỔNG HỢP các bài toán phổ dụng HÌNH 8	Bản	6	75.000	450.000
21	TỔNG HỢP các bài toán phổ dụng Đại số 8	Bản	6	68.000	408.000
22	PHÂN LOẠI và giải chi tiết các dạng toán 8/1	Bản	6	98.000	588.000
23	PHÂN LOẠI và giải chi tiết các dạng toán 8/2	Bản	6	78.000	468.000
24	Phương pháp Tư duy tìm cách giải toán Đại Số 8	Bản	6	78.000	468.000
25	Phương pháp Tư duy tìm cách giải toán Hình Học 8	Bản	6	90.000	540.000
26	Bài tập nâng cao Vật Lí 8	Bản	6	39.000	234.000
27	Câu hỏi và bài tập trắc nghiệm Vật Lí 8	Bản	6	36.000	216.000
28	Sổ Tay Vật Lí 8	Bản	6	20.000	120.000
29	Phương pháp giải bài tập Vật Lí 8	Bản	6	36.000	216.000
30	500 bài tập Vật Lí 8	Bản	6	50.000	300.000
31	Đề kiểm tra Vật lý 8(15 phút, 1 tiết, học kì)	Bản	6	45.000	270.000
32	Giải sách bài tập lí 8	Bản	5	32.000	160.000
33	Hướng dẫn học và giải chi tiết bài tập lý 8	Bản	5	48.000	240.000
34	Bài giảng và lời giải chi tiết lí 8	Bản	5	48.000	240.000
36	155 Bài Làm Văn chọn lọc 8	Bản	5	69.000	345.000
37	Học tốt Ngữ Văn 8 tập 1+2	Bản	5	50.000	250.000
38	Phân tích bình giảng thơ văn dành cho học sinh lớp 8	Bản	5	65.000	325.000
39	Giải bài tập Ngữ Văn 8	Bản	5	50.000	250.000
40	101 bài Văn hay 8	Bản	5	56.000	280.000
41	HD học & làm bài làm văn Ngữ Văn 8/1	Bản	5	54.000	270.000
42	HD học & làm bài làm văn Ngữ Văn 8/2	Bản	5	48.000	240.000
43	Những bài làm Văn mẫu 8 /1	Bản	5	35.000	175.000
44	Những bài làm Văn mẫu 8 /2	Bản	5	35.000	175.000
45	Phân tích 29 bài Văn 8 (Thơ – hịch – truyện ...)	Bản	5	65.000	325.000
46	Đề kiểm tra Ngữ Văn 8(15 phút, 1 tiết, học kì)	Bản	5	38.000	190.000
47	199 đề & bài văn hay 8	Bản	5	69.000	345.000
48	Những bài văn theo chuẩn kiến thức kỹ năng Văn 8	Bản	5	60.000	300.000
49	270 Đề & bài văn hay 8	Bản	5	85.000	425.000
50	Giải bài tập anh 8 (giao khoa - bài tập)	Bản	5	45.000	225.000
51	Học tốt Tiếng Anh 8	Bản	5	42.000	210.000
52	Sổ tay Tiếng Anh 8	Bản	5	28.000	140.000
53	Bài tập bổ trợ và nâng cao Tiếng Anh 8	Bản	5	45.000	225.000
54	Câu hỏi và bài tập trắc nghiệm Tiếng Anh 8	Bản	5	48.000	240.000
55	Đề kiểm tra Tiếng Anh 8 (theo chương trình thí điểm)	Bản	5	45.000	225.000
56	Ngữ pháp và bài tập nâng cao Tiếng Anh 8	Bản	5	32.000	160.000
57	670 câu trắc nghiệm Tiếng Anh 8	Bản	5	44.000	220.000
58	720 Câu trắc nghiệm anh 8	Bản	5	39.000	195.000
59	Đề kiểm tra Anh 8 (15 phút, 1 tiết, học kì)	Bản	5	30.000	150.000
60	Bài tập thực hành Tiếng Anh 8	Bản	5	45.000	225.000
61	Bài tập Tiếng Anh 8 (Không đáp án)	Bản	5	48.000	240.000

STT	TÊN HÀNG	ĐVT	SL	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
62	Bài tập Tiếng Anh 8 (Không đáp án)(PEARSON)	Bản	5	77.000	385.000
63	Hướng dẫn học và giải chi tiết bài tập Tiếng Anh 8	Bản	5	55.000	275.000
64	Giải sách bài tập Tiếng Anh 8 tập 1 & 2(PEARSON)	Bản	5	45.000	225.000
65	Bài giảng & lời giải chi tiết anh 8 tập1 (PEARSON)	Bản	5	50.000	250.000
66	Bài giảng & lời giải chi tiết anh 8 tập2 (PEARSON)	Bản	5	50.000	250.000
67	Học tốt Tiếng Anh 8(PEARSON)	Bản	5	78.000	390.000
68	Sinh học cơ bản và nâng cao 8	Bản	5	45.000	225.000
69	Giải bài tập Sinh học 8	Bản	5	33.000	165.000
70	Đề kiểm tra Sinh học 8 (15 phút, 1 tiết, học kỳ)	Bản	5	42.000	210.000
71	Hướng dẫn học và giải chi tiết sinh 8	Bản	5	52.000	260.000
72	sổ tay sinh học 8	Bản	5	20.000	100.000
73	Bài giảng & lời giải chi tiết sinh học 8	Bản	5	68.000	340.000
74	Bồi dưỡng học sinh giỏi Sinh Học 8	Bản	5	58.000	290.000
75	Bộ đề thi sinh học 9	Bản	5	75.000	375.000
76	400 bài tập Hóa học 8	Bản	5	55.000	275.000
77	Hoá học cơ bản và nâng cao 8	Bản	5	38.000	190.000
78	Học tốt Hoá học 8	Bản	5	44.000	220.000
79	Giải sách bài tập hóa 8	Bản	5	35.000	175.000
80	Chuyên đề bồi dưỡng Hoá 8	Bản	5	40.000	200.000
81	Hướng dẫn học và giải chi tiết bài tập hóa 8	Bản	5	55.000	275.000
82	Bài giảng & lời giải chi tiết hóa học 8	Bản	5	55.000	275.000
83	Các chuyên đề bồi dưỡng học sinh giỏi hóa học 8	Bản	5	56.000	280.000
84	Kĩ năng giải nhanh đề kiểm tra hóa học 8	Bản	5	58.000	290.000
85	Học tốt lịch sử 8	Bản	5	42.000	210.000
86	Hướng dẫn trả lời câu hỏi và bài tập Lịch Sử 8	Bản	5	34.000	170.000
87	Đề kiểm tra lịch sử 8	Bản	5	40.000	200.000
88	Học tốt Địa lí 8	Bản	5	38.000	190.000
89	Hương dẫn trả lời câu hỏi & bài tập địa Lý 8	Bản	5	39.000	195.000
90	Đề kiểm tra Giáo Dục Công Dân 8 (15 phút, 1 tiết, học kì)	Bản	5	30.000	150.000
	LỚP 9				
1	23 chuyên đề giải 1001 bài toán sơ cấp T1	Bản	5	75.000	375.000
2	23 chuyên đề giải 1001 bài toán sơ cấp T2	Bản	5	75.000	375.000
3	Phương pháp giải các dạng Toán 9/1	Bản	5	48.000	240.000
4	Phương pháp giải các dạng Toán 9/2	Bản	5	48.000	240.000
5	Bồi dưỡng Toán 9/1	Bản	5	50.000	250.000
6	Bồi dưỡng Toán 9/2	Bản	5	50.000	250.000
7	Giải bài tập Toán 9/1	Bản	5	36.000	180.000
8	Giải bài tập Toán 9/2	Bản	5	40.000	200.000
9	Giải sách bài tập toán 9/2	Bản	5	55.000	275.000
10	400 bài toán cơ bản & mở rộng 9	Bản	5	50.000	250.000
11	Giới thiệu các dạng đề kiểm tra Toán 9	Bản	5	50.000	250.000
12	Tuyển chọn các bài toán hay và khó 9	Bản	5	65.000	325.000
13	Toán nâng cao Hình học 9	Bản	5	55.000	275.000
14	Toán nâng cao Đại số 9	Bản	5	55.000	275.000
15	Toán cơ bản & nâng cao 9/1	Bản	5	60.000	300.000
16	Toán cơ bản & nâng cao 9/2	Bản	5	60.000	300.000
17	Tổng hợp các bài toán phổ dụng Hình Học hệ trục tọa độ trong tam giác vuông đường tròn góc voi đường tròn	Bản	5	95.000	475.000

STT	TÊN HÀNG	ĐVT	SL	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
18	Tổng hợp các bài toán phổ dụng Đại số 9	Bản	5	84.000	420.000
19	Đề thi vào lớp 10 môn Toán	Bản	5	80.000	400.000
20	Đề kiểm tra Toán 9 – tập 1 (15 phút, 1 tiết, học kì)	Bản	5	48.000	240.000
21	Đề kiểm tra Toán 9 – tập 2 (15 phút, 1 tiết, học kì)	Bản	5	44.000	220.000
22	500 bài Toán chọn lọc 9	Bản	5	58.000	290.000
23	Học và giải Toán một cách thông minh 8 - 9	Bản	5	28.000	140.000
24	Bài tập nâng cao Vật Lí 9	Bản	5	48.000	240.000
25	Câu hỏi và bài tập trắc nghiệm Vật Lí 9	Bản	5	45.000	225.000
26	Phương pháp giải bài tập Vật lý 9	Bản	5	47.000	235.000
27	500 bài tập Vật lý 9	Bản	5	42.000	210.000
28	Đề kiểm tra Vật lý 9(15 phút, 1 tiết, học kì)	Bản	5	48.000	240.000
29	Giai sách bài tập li 9	Bản	5	48.000	240.000
30	Bài giảng & lời giải chi tiết vật li 9	Bản	5	55.000	275.000
31	Vật Lí nâng cao THCS 9	Bản	5	45.000	225.000
32	Bồi dưỡng Vật Lí 9	Bản	5	55.000	275.000
33	Hướng dẫn học và giải chi tiết vật li 9	Bản	5	55.000	275.000
34	Các đề thi tuyển sinh môn văn vào lớp 10 & những chủ đề thường gặp	Bản	5	42.000	210.000
35	Bồi dưỡng Ngữ Văn 9	Bản	5	82.000	410.000
36	Giải bài tập ngữ văn 9	Bản	5	52.000	260.000
37	HD học & làm bài – làm văn Ngữ văn 9/1	Bản	5	58.000	290.000
38	HD học & làm bài – làm văn Ngữ văn 9/2	Bản	5	58.000	290.000
39	NHỮNG BÀI VĂN NGHỊ LUẬN ĐẮT SẮC 9	Bản	5	58.000	290.000
40	162 Đề & bài làm văn chọn lọc 9	Bản	5	62.000	310.000
41	Những bài làm Văn hay 9	Bản	5	36.000	180.000
42	Hướng dẫn tự ôn tập Ngữ văn 9 để thi vào lớp 10	Bản	5	72.000	360.000
43	101 bai văn hay 9	Bản	5	65.000	325.000
44	Những bài làm văn mẫu 9 – tập 1	Bản	5	38.000	190.000
45	Những bài làm văn mẫu 9 – tập 2	Bản	5	38.000	190.000
46	Những bài làm văn tiêu biểu 9	Bản	5	39.000	195.000
47	PHÂN TÍCH BÌNH GIẢNG THƠ VĂN DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 9	Bản	5	65.000	325.000
48	Những bai văn đạt điểm cao 9(học sinh giỏi)	Bản	5	44.000	220.000
49	Bộ đề thi Ngữ Văn vào lớp 10	Bản	5	58.000	290.000
50	199 đề & bai văn 9	Bản	5	78.000	390.000
51	270 Đề & bài văn hay 9	Bản	5	95.000	475.000
52	Kiến thức cơ bản và nâng cao ngữ văn 9	Bản	5	45.000	225.000
53	Dàn bài tập làm văn 9	Bản	5	44.000	220.000
54	Học tốt Tiếng Anh 9	Bản	5	37.000	185.000
55	Giải bài tập tiếng anh (giao khoa + bai tập)	Bản	5	42.000	210.000
56	Ngữ pháp và bài tập nâng cao Tiếng Anh 9	Bản	5	38.000	190.000
57	Ngữ pháp & bài tập Tiếng Anh 9	Bản	5	38.000	190.000
58	Bài tập thực hành Tiếng Anh 9	Bản	5	48.000	240.000
59	Đề kiểm tra Tiếng Anh 9 (theo chương trình thí điểm)	Bản	5	52.000	260.000
60	Bài tập trắc nghiệm Tiếng Anh 9	Bản	5	44.000	220.000
61	720 Câu trắc nghiệm anh 9	Bản	5	33.000	165.000
62	Câu hỏi và BT trắc nghiệm Tiếng Anh 9	Bản	5	40.000	200.000
63	Bài tập Tiếng Anh 9 (Không đáp án)	Bản	5	55.000	275.000
64	Bộ đề thi tuyển sinh vào lớp 10 môn Tiếng Anh	Bản	5	59.000	295.000

STT	TÊN HÀNG	ĐVT	SL	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
65	Bài tập tiếng Anh 9 không đáp án	Bản	5	88.000	440.000
66	Học Tốt Tiếng Anh 9	Bản	5	78.000	390.000
67	Giải sách bài tập Tiếng Anh 9 (1 và 2)	Bản	5	48.000	240.000
68	Câu hỏi trắc nghiệm sinh học 9	Bản	5	32.000	160.000
69	Hướng dẫn học và giải chi tiết bài tập sinh 9	Bản	5	48.000	240.000
70	Học tốt sinh 9	Bản	5	39.000	195.000
71	400 bài tập Hóa học 9	Bản	5	50.000	250.000
72	Hoá học cơ bản và nâng cao 9	Bản	5	46.000	230.000
73	Giải bài tập Hoá học 9	Bản	5	39.000	195.000
74	Đề kiểm tra Hóa 9 (15 phút, 1 tiết, học kì)	Bản	5	40.000	200.000
75	Bồi dưỡng hoá 9	Bản	5	55.000	275.000
76	Bài giảng & lời giải chi tiết Hoá học 9	Bản	5	75.000	375.000
77	Chuyên đề bồi dưỡng Hoá học 9	Bản	5	40.000	200.000
78	Các chuyên đề bồi dưỡng học sinh giỏi Hóa Học 8	Bản	5	108.000	540.000
79	Kỹ năng giải nhanh đề kiểm tra hóa học 9	Bản	5	92.000	460.000
80	Câu hỏi và bài tập trắc nghiệm Sử 9	Bản	5	30.000	150.000
81	Học tốt lịch sử 9	Bản	5	48.000	240.000
82	Hướng dẫn trả lời câu hỏi & BT Lịch sử 9	Bản	5	48.000	240.000
83	Hướng dẫn trả lời câu hỏi & bài tập Địa 9	Bản	5	45.000	225.000
84	Đề kiểm tra địa 9	Bản	5	28.000	140.000
85	Học tốt Địa lí 9	Bản	5	42.000	210.000
86	Hướng dẫn trả lời câu hỏi và bài tập GD Công dân 9	Bản	5	35.000	175.000
	Sách giáo viên				
1	Toán 7/1 (SGV)	Bản	5	8.800	44.000
2	Toán 7/2 (SGV)	Bản	5	7.500	37.500
3	Vật lí 7 (SGV)	Bản	5	11.000	55.000
4	Công nghệ 7 (SGV)	Bản	5	11.000	55.000
5	Ngữ văn 7/1 (SGV)	Bản	5	11.900	59.500
6	Ngữ văn 7/2 (SGV)	Bản	5	9.800	49.000
7	Lịch sử 7 (SGV)	Bản	5	11.000	55.000
8	Địa lí 7 (SGV)	Bản	5	11.000	55.000
9	Giáo dục công dân 7 (SGV)	Bản	5	6.500	32.500
10	Mĩ thuật 7 (SGV)	Bản	5	7.500	37.500
11	Tiếng Anh 7 (SGV)	Bản	5	9.800	49.000
12	Sinh học 7 (SGV)	Bản	5	14.300	71.500
13	Thể dục 7 (SGV)	Bản	5	8.300	41.500
14	HD Giáo dục NGLL 7 (SGV)	Bản	5	8.800	44.000
15	Âm nhạc 7 (SGV)	Bản	5	5.300	26.500
16	Tiếng Anh 7/1 - SGV	Bản	5	70.000	350.000
17	Tiếng Anh 7/2 - SGV	Bản	5	70.000	350.000
18	Toán 8/1 (SGV)	Bản	5	10.500	52.500
19	Toán 8/2 (SGV)	Bản	5	8.800	44.000
20	Vật lí 8 (SGV)	Bản	5	9.000	45.000
21	Hóa học 8 (SGV)	Bản	5	10.500	52.500
22	Sinh học 8 (SGV)	Bản	5	14.700	73.500
23	Công nghệ 8 (SGV)	Bản	5	12.900	64.500
24	Ngữ văn 8/1 (SGV)	Bản	5	10.500	52.500
25	Ngữ văn 8/2 (SGV)	Bản	5	11.500	57.500
26	Lịch sử 8 (SGV)	Bản	5	12.900	64.500

STT	TÊN HÀNG	ĐVT	SL	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
27	Địa lí 8 (SGV)	Bản	5	10.000	50.000
28	Giáo dục công dân 8 (SGV)	Bản	5	7.500	37.500
29	Hoạt động GD NGLL 8 (SGV)	Bản	5	7.000	35.000
30	Âm nhạc 8 (SGV)	Bản	5	4.000	20.000
31	Mĩ thuật 8 (SGV)	Bản	5	7.500	37.500
32	Thẻ dục 8 (SGV)	Bản	5	7.700	38.500
33	Tiếng Anh 8 (SGV)	Bản	5	9.000	45.000
34	Tiếng Anh 8/1 - SGV	Bản	5	80.000	400.000
35	Tiếng Anh 8/2 - SGV	Bản	5	80.000	400.000
36	Toán 9/1 (SGV)	Bản	5	9.500	47.500
37	Toán 9/2 (SGV)	Bản	5	10.900	54.500
38	Vật lí 9 (SGV)	Bản	5	20.400	102.000
39	Hóa học 9 (SGV)	Bản	5	11.500	57.500
40	Sinh học 9 (SGV)	Bản	5	12.400	62.000
41	Công nghệ 9 - Nấu ăn (SGV)	Bản	5	3.200	16.000
42	Thẻ dục 9 (SGV)	Bản	5	8.000	40.000
43	Ngữ văn 9/1 (SGV)	Bản	5	13.700	68.500
44	Ngữ Văn 9/2 (SGV)	Bản	5	11.000	55.000
45	Lịch sử 9 (SGV)	Bản	5	11.500	57.500
46	Địa lí 9 (SGV)	Bản	5	8.800	44.000
47	Giáo dục công dân 9 (SGV)	Bản	5	6.300	31.500
48	HDGD ngoài giờ lên lớp 9 (SGV)	Bản	5	7.500	37.500
49	Tiếng Anh 9 (SGV)	Bản	5	6.900	34.500
50	Âm nhạc 9 (SGV)	Bản	5	4.000	20.000
51	Giáo dục hướng nghiệp 9 (SGV)	Bản	5	5.900	29.500
52	Công nghệ 9 - Trồng cây (SGV)	Bản	5	4.000	20.000
53	Công nghệ 9 - Cắt may (sgv)	Bản	5	3.900	19.500
54	Công nghệ 9 - Điện (SGV)	Bản	5	5.300	26.500
55	Công nghệ 9 - SCXD (SGV)	Bản	5	3.200	16.000
56	Mĩ thuật 9 (SGV)	Bản	5	5.300	26.500
57	Tiếng anh 9/1 -SGV	Bản	5	85.000	425.000
58	Tiếng anh 9/2 - SGV	Bản	5	100.000	500.000
	TỔNG CỘNG (A+B)				876.375.300
	LÀM TRÒN				867.375.000